TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 194 /2023/DS-PT
Ngày 28 – 6– 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1957 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn D1: Anh Trần Thế D3, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C . (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn D1: Ông Nguyễn Văn Mãi, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Mãi, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1959 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn D2: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh C . (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Dương Thị A, sinh năm 1959 (Vắng mặt);

2. Anh Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

3. Anh Nguyễn Thanh K, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

4. Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1998 (Vắng mặt);

5. Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

6. Bà Trương Thị D4, sinh năm 1959 (Vắng mặt);

7. Anh Nguyễn Chí L2, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

8. Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1985 (Có mặt);

9. Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1991 (Có mặt);

10. Chị Nguyễn Như Ý, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh C ..

11. Ủy ban nhân dân huyện T (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn D2, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn D1 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của ông D1 là anh Trần Thế D3 trình bày*:

Năm 1990, cha mẹ ông D1 là ông Nguyễn Văn Mắt và bà Nguyễn Thị Khóm (cả hai đã chết) cho ông D1 phần đất diện tích 05 công tầm lớn. Sau đó, ông D1 có nhận chuyển nhượng của người anh thứ hai là ông Nguyễn Văn Bóc thêm 02 công tầm lớn nằm liền kề với phần đất 05 công ông D1 được cha mẹ cho. Hiện nay, phần đất 07 công tầm lớn của ông D1 thuộc thửa đất số 348, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp Lung Bạ, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Từ thời điểm tặng cho năm 1990 và nhận chuyển nhượng thêm của ông Bóc cho đến nay ông D1 là người trực tiếp canh tác trên phần đất này. Việc tặng cho và nhận chuyển nhượng phần đất này có anh em trong gia đình đều biết. Trong suốt quá trình sử dụng đất đến nay không có xảy ra tranh chấp với ai, ông D2 cùng gia đình ông D2 không có ý kiến, cũng không có yêu cầu gì. Từ thời điểm bắt đầu canh tác đất, ông D1 có tiến hành đào bờ bao quanh phần đất và sử dụng cho đến nay. Ông D1 xác định ông không nhận cố phần đất của ông D2 như ông D2 đã trình bày. Phần đất tranh chấp ông D2 tự ý làm giấy chứng nhận cấp cho ông D2 năm 1991, phía gia đình ông D1 không hề hay biết. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D2, ông D1 cũng không được cơ quan có thẩm quyền hay ông D2 thông báo mặc dù thời điểm năm 1991 (thời điểm cấp giấy cho ông D2) thì ông D1 và gia đình đang trực tiếp canh tác đất. Do việc sử dụng đất của ông D1 có nguồn gốc rõ ràng, sử dụng ổn định nên ông D1 yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận phần đất ông đang canh tác diện tích theo đo đạc thực tế 9.897,6m^2 thuộc quyền quản lý sử dụng của ông. Đối với việc Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D2 ông không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu hủy giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất.

- Theo ông Nguyễn Văn D2 và người đại diện hợp pháp của ông D2 là ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ ông bà cố của ông D2 là ông Nguyễn Văn Chiêu và bà Trần Thị Lánh tặng cho ông D2, đến năm 1991 ông D2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông D2 sử dụng đến năm 1995 thì có thỏa thuận bằng lời nói với ông D1 về việc ông D2 cố cho ông D1 phần đất có diện tích đúng bằng diện tích mà ông D1 đang canh tác hiện tại (tức là một phần đất nằm vị trí sau hậu nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông đã được cấp) với giá cố là 2 chỉ vàng 24K; ông D2 đã nhận vàng và giao đất cho ông D1. Từ thời điểm cố đất cho đến nay ông D1 canh tác trên đất, mặc dù ông D2 có yêu cầu ông D1 trả lại đất và ông D2 trả lại vàng nhưng phía ông D1 cố tình không thực hiện. Ông D2 xác định do là anh em ruột trong gia đình với nhau nên việc thỏa thuận cố đất và yêu cầu trả đất giữa ông D2 và ông D1 chỉ đến gặp và trao đổi bằng lời nói chứ không lập thành văn bản, không có yêu cầu đến chính quyền các cấp xem xét. Ông D2 xác định phần đất tranh chấp là do ông D2 được cấp giấy chứng nhận hợp pháp, ông D1 cố tình sử dụng trong một thời gian dài không trả lại đất. Do đó, ông D2 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông D1, đồng thời ông D2 có yêu cầu phản tố buộc ông D1 giao trả lại cho ông phần đất mà ông D1 đang canh tác diện tích theo đo đạc thực tế 9.897,6m^2; ông D2 trả lại ông D1 02 chỉ vàng 24K.

- Theo anh Nguyễn Trường G trình bày:

Anh G thống nhất với lời trình bày của ông D2, không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Công nhận ông Nguyễn Văn D1 là chủ sở hữu quyền sử dụng thửa đất số 348, tờ bản đồ số 12, diện tích đo đạt thực tế 9.897,6 m^2 tọa lạc tại ấp Lung Bạ, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; có tứ cận:

Phía Bắc giáp đất ông Dương Văn Tuấn.

Phía Nam giáp đất ông Phạm Hoàng Chiến và Võ Văn Lớp.

Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn D1.

Phía Tây giáp đất ông Dương Văn Tập.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn D2 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn D1 trả lại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 12, diện tích đo đạc thực tế 9.897,6 m^2 tọa lạc tại ấp Lung Bạ, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 06/3/2023, ông Nguyễn Văn D2 có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D1, buộc ông D1 phải chịu chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn D2.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Ông T1 phát biểu: Nguồn gốc đất là của ông bà cố của ông D2 (là ông Chiêu và bà Lánh) cho ông D2, chứ không phải là của cha mẹ ông D2 và ông D1 (là ông Mắt và bà Khóm). Ông D2 đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1991; đến năm 1995 ông D2 cố phần đất cho ông D1 bằng 02 chỉ vàng 24K, do anh em ruột với nhau nên chỉ thỏa thuận bằng lời nói chứ không làm giấy tờ; ông D2 có yêu cầu chuộc lại đất nhưng ông D1 không cho chuộc. Ông D1 không đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất đối với phần đất này, ông D1 cũng không khiếu nại việc cấp quyền sử dụng đất cho ông D2. Ông D2 được cấp quyền sử dụng đất năm 1991, đến khi ông D1 khởi kiện là hơn 30 năm, đã hết thời hiệu khởi kiện, nên yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện của ông D1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông D1, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D2.

Luật sư Mãi phát biểu: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc do ông D1 được cha mẹ là ông Mắt và bà Khóm cho 05 công và sang nhượng của người anh ruột là ông Bóc 02 công; ông D1 đã đào bờ bao riêng phần đất và quản lý sử dụng đất ổn định, liên tục từ năm 1990 đến nay. Việc ông D2 được cấp quyền sử dụng đất là cấp lần đầu, do cấp đại trà nên cấp trùm lên phần đất của ông D1; ông D2 chỉ đứng tên Giấy chứng nhận đất, chứ từ năm 1990 đên nay không quản lý sử dụng đất. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông D2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh D3, anh G, chị N không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D2, sửa bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D1, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn D2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn D2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Theo đo đạc thực tế, phần đất tranh chấp có diện tích 9.897,6m^2, thuộc thửa đất số 348, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp Lung Bạ, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp cho ông Nguyễn Văn D2 đứng tên vào năm 1991, tổng diện tích chung là 22.280 m^2.

[2] Xét về nguồn gốc đất phần đất tranh chấp: Ông D1 cho rằng nguồn gốc đất là của cha mẹ ông D1 (ông Nguyễn Văn Mắt và bà Nguyễn Thị Khóm), ông D1 được cho 05 công, ông Bóc được cho 02 công; sau đó ông Bóc sang nhượng lại

cho ông D1 02 công đất được cho nên phần đất của ông D1 có tổng diện tích là 07 công (diện tích theo đo đạc thực tế là 9.897,6m^2). Phía ông D2 cho rằng nguồn gốc đất là của ông bà cố ông D2 là ông Nguyễn Văn Chiêu bà Trần Thị Lánh cho ông D2, ông cố lại cho ông D1 bằng 02 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì ông D1, ông D2 không cung cấp tài liệu giấy tờ thể hiện việc cho đất các ông trình bày.

[3] Qua xác minh những người làm chứng do ông D2 đặt ra: Ông Trương Công Lịnh trình bày không biết nguồn gốc đất từ đâu; bà Nguyễn Thị Vắng, ông Dương Văn Hữu, ông Mai Văn Thế, ông Đặng Văn Việt, ông Trần Văn Thành trình bày nguồn gốc của ông, bà cố ông D2 để lại cho ông D2, nhưng sự việc này chỉ được nghe nói, chứ không chứng kiến; ông Nguyễn Văn Liêm là em ruột ông D1, ông D2 trình bày nguồn gốc đất là do ông D2 được ông, bà tặng cho. Xét lời trình bày của những người làm chứng nêu trên và trình bày của ông D2 trong quá trình Tòa án giải quyết tranh chấp là có mâu thuẫn với trình bày của ông D2 tại Biên bản hòa giải ngày 03/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông. Tại Biên bản hòa giải ngày 03/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, ông D2 trình bày: *"Nguồn gốc đất là của cha mẹ tôi để lại và cho tôi nên tôi đã đăng ký làm sổ đỏ, đất này trước giờ tôi không canh tác với lý do hoàn cảnh khó khăn nên không có điều kiện làm và tôi cũng không biết"*. Hơn nữa, theo như ông D2 cung cấp thì ông Nguyễn Văn Chiêu (là ông cố ông D2) chết năm 1969, bà Trần Thị Lánh (là bà cố ông D2) chết năm 1972; ông D2 sinh năm 1959; như vậy thời điểm ông Chiêu, bà Lánh chết thì ông D2 chỉ mới 10 đến 13 tuổi nên trình bày của ông D2 được ông, bà cố ông D2 cho đất để canh tác là không phù hợp.

[4] Mặt khác, qua xác minh những người làm chứng là anh, chị, em trong gia đình ông D1, ông D2 như ông Nguyễn Văn Bóc, bà Nguyễn Thị Nêu, ông Nguyễn Văn Điền; những người bà con của ông D1, ông D2 như ông Dương Văn Tân, ông Nguyễn Văn Dũng, ông Phạm Hồng Ngôi, bà Phạm Thị Xương và người bàn cận, kế cận là ông Đặng Văn Tuấn đều xác nhận nguồn gốc đất là do ông D1 được cha mẹ cho và nhận chuyển nhượng 02 công từ ông Bóc. Việc ông Bóc canh tác đất cũng được thể hiện qua lời khai của bà Vắng, ông Hữu. Lời khai của ông Bóc, bà Nêu, ông Điền, ông Tân, ông Dũng, ông Ngôi, bà Xương, ông Tuấn phù hợp với nhau, phù hợp với cả lời khai của bà Vắng, ông Hữu nên có đủ cơ sở để xác định nguồn gốc đất là của cha mẹ cho ông D1 và ông D1 sử dụng ổn định từ năm 1990 cho đến nay.

[5] Tại biên bản phiên toà sơ thẩm ngày 24/02/2023, mặc dù ông D2 cho rằng phần đất tranh chấp ông cố cho ông D1, nhưng ông D2 cũng thừa nhận thời gian ông D1 sử dụng đất hơn 30 năm. Như vậy, lời trình bày của ông D2 và những người làm chứng được Toà án xác minh phù hợp với nhau về thời gian quản lý sử dụng đất của ông D1.

[6] Trong phần đất tranh chấp hiện nay có phần diện tích đất 02 công ông D1 sang nhượng của ông Bóc với giá 10 chỉ vàng 24K theo Giấy giao kèo sang nhượng đất ngày 29/01/2000 âl. Giữa ông Bóc, ông D1, ông D2 có mối quan hệ là anh em ruột với nhau, khi sang nhượng lại 02 công đất từ ông Bóc thì đương nhiên ông D1

đã biết rõ về nguồn gốc đất nên mới đồng ý sang nhượng. Nếu như phần đất 02 công này là của ông D2 cố cho ông D1, thì không thể có việc ông D1 đồng ý sang nhượng của ông Bóc. Hơn nữa, phần đất tranh chấp này ông D1 đã lên bờ bao chu vi tách biệt với phần đất của ông D2 và quản lý sử dụng từ năm 1990 đến nay.

[7] Đối với trình bày của ông D2 cho rằng phần đất tranh chấp là do ông cố cho ông D2, nhưng không cung tài liệu giấy tờ chứng minh việc cố đất, trong khi đó ông D1 không thừa nhận. Đối với ông Đặng Văn Việt, ông Đặng Văn Tuấn, ông Mai Văn Thế là những người mà ông D2 cho rằng biết việc cố đất, Tòa án đã tiến hành xác minh nhưng những người này chỉ biết việc cố đất thông qua việc ông D2 đến hỏi mượn vàng và trình bày là để chuộc lại đất, không ai chứng kiến việc giao dịch cố đất giữa ông D1 và ông D2 nên không thể xem là chứng cứ để chứng minh có việc cầm cố đất như ông D2 trình bày.

[8] Mặc dù phần đất tranh chấp do ông D2 là người đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông D1 là người trực tiếp quản lý sử dụng đất từ năm 1990 đến nay (thời gian hơn 30 năm). Đồng thời tại biên bản hòa giải ngày 03/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông về việc tranh chấp giữa ông D1 với ông D2 thấy rằng: Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông là cơ quan quản lý đất đai ở địa phương, hiểu biết rõ về nguồn gốc đất và quá trình quản lý sử dụng đất của các hộ dân trên địa bàn do xã quản lý. Thành phần tham gia hòa giải tranh chấp là những người từng công tác tại địa phương, hiểu biết rõ về nguồn gốc đất và cũng xác định: "Đất là của cha mẹ cho ông D1 sử dụng từ trước đến nay ổn định, nay xảy ra tranh chấp, nên động viên anh em xem xét chia sẽ cho hài hòa giữa anh em, động viên ông D2 tạo điều kiện cho ông D1 làm bằng khoán". Đây là tình tiết phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, nên được xem xét làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

[9] Với những chứng cứ nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D1, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D2, buộc ông D2 chịu chi phí tố tụng là có căn cứ.

[10] Tuy nhiên, quyết định của bản án sơ thẩm tuyên có phần sai sót, cụ thể: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý, nhưng quyết định bản án tuyên công nhận ông D1 là chủ sở hữu quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp là không đúng, tuyên chưa đúng vị trí giáp ranh của phần đất tranh chấp. Do đó, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với phần sai sót này.

[11] Đối với tranh luận của đại diện bị đơn đề nghị xem xét về thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án do yêu cầu khởi kiện của ông D1 đã hết thời hiệu khởi kiện, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông D1 khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng đất, nên đề nghị của đại diện bị đơn là không chính xác, không được chấp nhận.

[12] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[13] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D2, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[14] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông D2 là người cao tuổi được miễn chịu án phí (được miễn dự nộp).

[15] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D1.

Công nhận phần đất tranh chấp diện tích theo đo đạc thực tế diện tích 9.897,6m^2, thuộc thửa đất số 348, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp Lung Bạ, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Văn D1. Phần đất có ranh giới tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Dương Văn Tuấn; phía Nam giáp đất ông Phạm Hoàng Chiến và Võ Văn Lớp; phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn D2; phía Tây giáp đất ông Dương Văn Tập.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn D2 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn D1 trả lại phần đất tranh chấp diện tích theo đo đạc thực tế diện tích 9.897,6m^2, thuộc thửa đất số 348, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp Lung Bạ, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 09/3/2022 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên Môi trường Dâng Phong).

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn D2 phải chịu 29.163.400 đồng. Do ông Nguyễn Văn D1 đã nộp xong số tiền 29.163.400 đồng, nên buộc ông D2 có trách nhiệm trả lại cho ông D1 số tiền 29.163.400 đồng.

Kể từ ngày ông D1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông D2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn D2 được miễn chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập